

Saigon Nhỏ ngày 30.3.2007

Tú Gàn

Can trường trong chiến bại

Hôm 11.3.2007, Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại đã cho ra mắt tại Orange County, California, cuốn hồi ký mang tên **“Can Trường Trong Chiến Bại, hành trình của một thủy thủ”**, ghi lại một số biến cố lịch sử mà ông là nhân chứng. Qua tác phẩm này, chúng ta có thể biết được thêm nhiều sự thật lịch sử, nhất các các biến cố đưa đến mất miền Nam Việt Nam.

Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại sinh tại Ô Môn, tỉnh Cần Thơ, tốt nghiệp Khóa 4 Sĩ Quan Hải Quân (Đệ Nhút Bắc Giải) tại Nha Trang. Tốt Nghiệp trường U.S. Naval Postgraduate School (General Line) của Hải Quân Hoa Kỳ tại Monterey, California, khóa cao cấp Quản Trị Nhân Viên tại Pentagon, Washington DC, thực tập trên Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ tại Nhật Bản. Chức vụ sau cùng của ông là Tư Lệnh Hải Quân Vùng I Duyên Hải.

Trong lời mở đầu, Tướng Thoại cho biết sở dĩ ông chọn cái tên sách như trên vì lý do như sau:

*“Hai mươi bảy năm sau khi chiến tranh chấm dứt, vào Tháng Sáu năm 2002, trong dịp tôi dự một hôn lễ hết sức đơn giản của một cặp nam nữ trẻ tuổi người Hoa Kỳ tổ chức trong nhà kho của một sở cứu hỏa trong làng nhỏ gần Leesburg thuộc tiểu bang Virginia Hoa Kỳ, trên tường có treo một tấm bảng gỗ có viết một câu đề vinh danh người lính cứu hỏa. Tôi rất cảm xúc khi đọc và nghĩ ngay tới người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa nói chung, các thủy thủ và biệt hải nói riêng: **'Let me win, if I cannot win, let me be brave in the attempt'** (xin tạm dịch: Xin để tôi chiến thắng, và nếu tôi không thể thắng xin để tôi can trường trong nỗ lực của mình - TG). Đọc xong câu trên, tôi nghĩ tại sao chúng ta tiếp tục tự dằn vò chúng ta với sự chiến bại mà không hãnh diện về sự can trường của biết bao anh hùng của các quân binh chúng?... ”*

Nội dung cuốn hồi ký ghi lại một số biến cố lịch sử mà ông là nhân chứng, chẳng hạn như: Hải quân và cuộc oanh tạc Dinh Độc Lập (1962), Hải quân và cuộc đảo chánh (1963), Trận Vũng Rô (1965), Nổi loạn trong Hải Quân (1965), Sở Phòng Vệ Duyên Hải và công tác miền Bắc (1964 – 1969), Trận hải chiến Hoàng Sa (1974), Số phận miền Trung (1975), Hải Quân Vùng 1 vào những ngày cuối (1975), Báo cáo cuối cùng của Tướng Trưởng, v.v.

PHẢI CÓ TIẾNG NÓI VÔ TƯ

Trong một lá thư đề ngày 26.10.2006 gửi cho chúng tôi trước đó, tác giả có tâm sự:

“Tôi yên lặng đã 30 năm rồi, để cho thiên hạ nói đã... Tác phẩm của tôi, thú thật tôi chuẩn bị tài liệu từ lâu, mà rồi mỗi một lần tôi đọc một quyển sách hay một hồi ký là tôi chán chường không nghĩ tới viết lách. Viết mà khen mình chê người, thì đối với tôi là rất khó, vì tôi là một người hết sức tầm thường, không hơn ai cả. Nhưng khi đọc bài của ông

cách đây hai năm, **“Những người trong cuộc lên tiếng”**, thì tôi mới nghĩ là phải có tiếng nói của người trong cuộc và ngoại cuộc (tức là vô tư) để trả lời những câu hỏi mà ông đặt ra mà như ông nói với không khí (dans le vide)...

“Tôi mới về hưu mấy tháng nay nên mới thật sự cầm bút. Vì khi bắt đầu cầm bút, tôi không đọc những gì mà người khác viết về những biến cố mà tôi là nhân chứng. Có thể nhiều người nghĩ đó là sai, nhưng khi muốn nói sự thật thì tôi ráng tránh bị ảnh hưởng những gì tôi đọc...”

“Tôi viết cho con cháu tôi và cho lịch sử trước khi tôi “ra khơi” vĩnh viễn, chứ không phải vì “cảm tính” như ông Lữ Giang đã nói, rất đúng. Đã có một lần tôi nghĩ là việc làm của tôi về dài có ích cho đại cuộc, thì bị chụp mũ ngay là thân Cộng. Ông Lữ Giang sẽ thấy những gì tôi viết ra nhiều khi là tôi chê cả tôi, nhưng đó là sự thật...”

Bài **“Người trong cuộc lên tiếng”** là bài chúng tôi phân tích bài **“Vì sao tôi bỏ Quân Đoàn I?”** của Tướng Ngô Quang Trưởng được Lê Bá Chư ghi lại, đăng trên Saigon Nhỏ số ra ngày 16.4.2004,

Sau khi đọc cuốn **“Can Trường Trong Chiến Bại, hành trình của một thủy thủ”**, tôi thấy tác giả đã làm đúng như những gì ông đã viết cho chúng tôi. Ông đã chọn một lối viết đúng với lối viết hồi ký đích thực: Chỉ ghi lại những điều mắt thấy tai nghe với một số suy tư riêng của mình khi chứng kiến các biến cố xảy ra. Còn công việc tổng hợp, phân tích và phê bình là công việc của các sử gia và các nhà bình luận lịch sử.

Đọc hai cuốn hồi ký **“Việt Nam máu lửa quê hương tôi”** của Tướng Đỗ Mậu và cuốn **“Trả lại ta sông núi”** của Đại Tá Phạm Văn Liễu, chúng ta thấy nội dung hai cuốn đó chứa đựng nhiều chuyện bịa đặt trắng trợn và nhiều chuyện không liên hệ gì đến tác giả và có khi tác giả chưa bao giờ biết đến, nhưng được những tên viết mướn đưa vào để xuyên tạc lịch sử, đánh phá tô chức nọ tô chức kia hay người này người nọ. Đó là một thứ dụng cụ “đâm thuê chém mướn” chứ không phải hồi ký.

Các sử gia ngoại quốc cũng rất sợ cái thói quen viết sử của người Việt là cứ **đưa ra một kết luận trước rồi đi tìm những sử liệu**, kể cả những tài liệu bịa đặt (như của Lê Trọng Văn) **để chứng minh rằng kết luận của mình là đúng** và loại ra những sử liệu mà họ cho rằng không có lợi. Bộ **“Việt sử khảo luận”** gồm 6 cuốn của Luật sư Hoàng Cơ Thụy là tượng trưng rõ nét nhất cho lối viết sử này. Đây là một lối viết hoàn toàn phản khoa học và trái với phương pháp sử học, nên ít được các sử gia ngoại quốc tham khảo.

Trong khi đó, cuốn **“Can Trường Trong Chiến Bại, hành trình của một thủy thủ”** đã xuất hiện như là một cuốn hồi ký đúng nghĩa. Đọc lá thư viết cho tôi cũng như nội dung của cuốn hồi ký, chúng tôi tin rằng tác giả đã phải tự phân đầu rất nhiều trước khi đưa ra trước ánh sáng những sự thật lịch sử mà nhiều người không muốn nghe.

HAI CHẾ ĐỘ RÁP KHUÔN

Ở trong nước, mặc dầu chiến tranh đã chấm dứt 32 năm, nhà cầm quyền vẫn còn tiếp tục áp dụng chế độ thông tin của thời chiến tranh. Điều 10 của Luật Xuất Bản ngày 3.1.2004 quy định rằng việc tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật an ninh, kinh tế,

đổi ngoại... đều bị cấm xuất bản.

Báo Tuổi Trẻ số ngày 27.12.2006 cho biết sau khi Website của Bộ Văn Hóa – Thông Tin đăng tin Bộ vừa có công văn số 4993/BVHTT-XB gửi Thủ Tướng Chính Phủ “*về việc viết và xuất bản hồi ký, tự truyện của cán bộ, công chức*”, ông Nguyễn Kiểm, Cục Trưởng Cục Xuất Bản, có nói rằng nội dung của công văn trên đã nêu rõ:

“Bộ VHTT đề nghị Thủ tướng Chính phủ ban hành một số văn bản qui phạm pháp luật để điều chỉnh toàn bộ những đối tượng tham gia việc viết và xuất bản hồi ký, tự truyện liên quan đến các vấn đề lịch sử, bí mật công tác và bí mật quốc gia, trong đó qui định cụ thể đối tượng được viết hồi ký, thời điểm viết và những nội dung được viết. Văn bản trên sẽ tạo ra khung pháp lý nhằm chủ động kiểm soát, hạn chế việc tùy tiện công bố bí mật công tác, bí mật quốc gia và có cơ sở để xử lý những đối tượng vi phạm các qui định của pháp luật”.

Ông Nguyễn Kiểm nhấn mạnh: *“Và điều này hoàn toàn cần thiết bởi lâu nay ta chưa qui định cụ thể về việc này, mà đây là lợi ích quốc gia chứ không phải lợi ích cá nhân nữa.”*

Ông Lê Huy Hòa, Trưởng Đại Diện Nhà Xuất Bản Lao Động tại Sài Gòn, đã phát biểu: *“Lâu nay ta vẫn có biện pháp quản lý việc viết hồi ký, hồi ức, tự truyện của các cán bộ. Cụ thể, trong quân đội có qui định cấp hàm nào được viết hồi ký, và tất cả các thể loại hồi ký, tự truyện, hồi ức của tướng lĩnh cán bộ quân đội đều thuộc trách nhiệm xuất bản của NXB Quân đội Nhân Dân”.*

Lý Quý Chung không phải là cán bộ hay bộ đội mà chỉ là một “*thành phần thứ ba*” tự nguyện ở lại sau 30.4.1975 để hợp tác với chế độ, ấy thế mà khi ấn bản đầu tiên của cuốn **“Hồi ký không tên”** của anh ta, một cuốn hồi ký viết về đời tư, được phát hành năm 2004, tờ Quân Đội Nhân Dân đã chỉ trích rằng trong đó có nhiều đoạn và nhiều câu không có lợi cho chế độ, mặc dầu đó là những sự thật. Do đó, cuốn hồi ký này đã bị thu hồi, bị đục bỏ nhiều câu và nhiều đoạn, rồi mới được in lại.

Hiện nay, Bộ Chính Trị Đảng CSVN đã cho xuất bản hai tập sách về chiến tranh Việt Nam, đó là cuốn **“Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi và bài học”** và cuốn **“Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Mỹ thắng lợi và bài học”**. Nội dung hai cuốn này đã cố tình trộn lẫn những chuyện có thật với những chuyện bịa đặt hay xuyên tạc rất trắng trợn để đánh lừa dư luận, nhưng được tuyên bố đó là *“những thành tựu và bài học bổ ích không chỉ cho hôm qua và cho cả hôm nay và ngày mai.”* (!) Phải coi đây là một tài liệu tuyên truyền láo phét hơn là một tài liệu lịch sử.

Trong khi đó ở hải ngoại, nhất là ở Mỹ, tuy quyền tự do ngôn luận được bảo đảm, nhưng như chúng tôi đã nói nhiều lần, nhóm dân quân xã áp vẫn **nhất quyết áp dụng triệt để chế độ kiểm duyệt đã được đặt ra trong nước cho công đồng người Việt hải ngoại**, cấm không được viết hay nói những gì mà họ nghĩ **không đúng hay không có lợi cho việc chống cộng**. Ai bất tuân sẽ bị tuyên án “*tùng xẻo*” về tội làm tay sai cho Cộng Sản. Đối với họ, **đúng có nghĩa là những gì họ thích, và sai là những gì họ không**

thích, không cần biết sự thật như thế nào. Chế độ ở ngoài đã rập khuôn chế độ ở trong, mặc dầu người đứng ngoài luôn hô “Đả đảo Cộng Sản”!

Sự tin tưởng của họ có khi rất đơn giản hay ấu trĩ, nhưng họ nhất định bắt mọi người phải tin và nói như họ. Suy nghĩ và nói khác đi đều bị coi là tay sai cộng sản hay đặc công cộng sản nằm vùng. Một thí dụ cụ thể: Một số người đã quả quyết rằng vào tháng 4 năm 1975, sở dĩ quân và dân miền Nam đua nhau bỏ chạy là vì nghe tin của đài BBC. Đài này cứ loan tin nơi này rút lui, nơi kia bị mất, nhưng thực tế chuyện đó không hề xảy ra. Từ đó họ lên án đài BBC là tay sai cộng sản. Nếu có ai cho họ biết lệnh của Tổng Thống Thiệu mỗi ngày thay đổi như thế nào, và Quân Đội VNCH đã làm theo lệnh của Tổng Thống nên bị tan rã một cách nhanh chóng, họ chẳng những không tin mà còn cho rằng ai nói như vậy đều là tay sai cộng sản!

Nhưng, đúng như Emile Zola đã nói: *“La vérité est en marche, rien ne peut plus arrêter”*. Sự thật đang tiến bước, không gì có thể làm nó ngưng lại được.

Ở trong nước, mặc dầu có những sự cảm đoán gắt gao như vậy, nhiều bí mật lịch sử vẫn được đưa dần ra ánh sáng, như những sai lầm liên quan đến chính sách cải cách ruộng đất, vụ Văn Nhân Giai Phẩm, v.v. Đặc biệt, việc ông Nguyễn Minh Cần, Cựu Phó Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chính Thành Phố Hà Nội, tiết lộ chuyện lãng nhãng về tình ái của Hồ Chí Minh đã làm Đảng CSVN nhức nhối. Ông Cần cho biết Công An đã đưa một chị thanh nữ người Nùng ở Cao Bằng, tên là Nông Thị Xuân, đến "phục vụ" cho Hồ Chí Minh. Cô này đem theo người em là Nông Thị Vàng và một cô em họ nữa về Hà Nội. Sau đó, cô Xuân đẻ cho Hồ Chí Minh một đứa con trai, đặt tên là Nguyễn Tất Trung, và còn có tin đồn, một đứa con gái nữa, tên là Nguyễn Thị Trinh... Khi hết xài cô Xuân, Trần Quốc Hoàn đã hiếp cô ta tại nhà phố Hàng Bông Nhuộm và giết chết, sau đó bày trò xe ô tô cán người tại đường Nhật Tân để lấp liếm tội ác. Khi cô chị bị giết, cô em chạy về Cao Bằng, nhưng rồi cũng bị giết để "bịt đầu mối". Người em họ cô Xuân cũng không thoát khỏi bàn tay đẫm máu của Trần Quốc Hoàn. Nhưng người yêu của cô Vàng đã viết thư tố cáo hung thủ nên nội vụ bị đổ vỡ.

Ở hải ngoại, các tài liệu mật của Hoa Kỳ được lần lượt giải mã hàng năm đã giúp người Việt thấy rõ hơn những sự thật liên quan đến cuộc chiến Việt Nam. Đặc biệt, hôm 26.5.2006, Văn Khố An Ninh Quốc Gia (National Security Archive) của Hoa Kỳ đã cho phổ biến 2.100 bản văn (memoranda) dài 28.000 trang mang tên “The Kissinger Transcripts: A Verbatim Record of U.S. Diplomacy, 1969-1977”. Qua các văn bản này, nhất là tài liệu số 10 dài 37 trang ghi lại cuộc đàm thoại mặt đối mặt giữa Kissinger và Chu Ân Lai ngày 20/6/1972 tại Bắc Kinh, chúng ta có thể biết được một cách chính xác **Hoa Kỳ và Trung Quốc đã quyết định về số phận của Việt Nam từ tháng 6 năm 1972, còn Bắc Việt và VNCH chỉ là những kẻ “ăn theo”**. Tài liệu này và những tài liệu khác đã phá tan gần hết các huyền thoại về cuộc chiến mà nhiều người đã xác tín.

Tuy nhiên, Đảng Cộng Sản ở trong nước và nhóm dân quân xã ấp ở hải ngoại vẫn tiếp tục chống lại sự thật. Công văn số 4993/BVHTT-XB của Bộ Văn Hóa – Thông Tin là

một ví dụ điển hình. Ở San José, mặc dầu Sư Bà Đoàn Trang, lãnh tụ một đám dân quân xã ấp, đã nằm một đống hơn hai năm rồi, Kiên Ái và Lão Mốc vẫn tiếp tục ôm nón cổ và dép râu đứng châu hai bên, sẵn sàng ném vào bất cứ ai dám nói lên sự thật!

Khoảng 20 hay 30 năm nữa, khi thế hệ liên hệ đến chiến tranh Việt Nam không còn, các sử gia sẽ sàng lọc lại các sự kiện đã được ghi chép, loại ra những phía sử và chỉ giữ lại những sự thật. Lúc đó sẽ không còn ai để cắt bỏ hay ngăn cản những cái mà họ cho rằng không có lợi cho chế độ hay cho việc chống cộng nữa. Cho nên những nỗ lực ngăn cản sự thật lịch sử hiện nay đều vô ích.

LỆNH CỦA TỔNG THỐNG THIỆU

Đã 32 năm rồi, mỗi lần đến ngày 30 tháng 4, người Việt hải ngoại lại nhìn lại lịch sử của những ngày mất nước để tìm hiểu tại sao miền Nam Việt Nam với một quân đội được trang bị đầy đủ và thiện chiến như thế, mà chỉ trong 40 ngày đã bị biến mất?

Có lẽ thời gian ở tù là thời gian giúp chúng tôi được tiếp xúc với nhiều nhân chứng lịch sử nhất và được nghe họ trình bày một cách bộc trực nhất. Cứ gặp một cấp chỉ huy là tôi hỏi: Trước ngày “đứt phim” anh ở đâu? Chuyện gì đã xảy ra? Họ cứ kể đi kể lại, hết chuyện này đến chuyện khác. Khi hai người kể khác nhau về một chuyện, chúng tôi có thể kiểm lại một cách dễ dàng. Nhờ vậy, chúng tôi biết được nhiều chi tiết mà những người khác ít được biết. Một người ít chịu mở miệng như Đại Tá Nguyễn Văn Biết, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 31 Biệt Động Quân, mà rồi chúng tôi cũng moi được. Lúc đó Liên Đoàn này đang đóng ở Chơn Thành thì được lệnh phải rút bằng đường bộ về Bình Dương, tổn thất mất 1/3 quân số. Chưa hoàn hồn thì được bốc thả xuống Phan Rang để thay Lữ Đoàn 2 Dù... Lúc đó ông cao và quá gầy, thường đi thất thểu nên anh em hay trêu ông là “Bại Tướng”! Ông vừa nói chuyện vừa thở phì phào, nhưng lần hỏi ông cũng kể cho tôi nghe những chuyện bi thảm đã xảy ra. Rất đau buồn là ông đã qua đời một thời gian sau khi được thả ra.

Nhưng khi qua đến Mỹ, mọi chuyện đều khác hẳn. Chỉ một số chịu ngồi ghi lại những điều họ đã kể, nhưng thay đổi nhiều chi tiết. Khi biết tôi viết báo và viết sử, đa số thường không chịu kể lại nữa, vì sợ đụng chạm người nọ người kia, hay sợ bị tố cáo là tuyên truyền cho Cộng Sản.

Nay khi đọc cuốn **“Can Trường Trong Chiến Bại, hành trình của một thủy thủ”** của Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, tôi biết thêm nhiều chi tiết mà trước đây tôi chưa từng được nghe kể.

Số báo này sẽ tới tay độc giả đúng vào những ngày Quân Khu I bị thất thủ cách đây 32 năm. Do đó, trong số này, chúng tôi xin đề cập đến những chuyện đã xảy ra tại Vùng I trong những ngày cuối cùng.

Trong bài **“Rủ nhau ra đi”** đăng trên Saigon Nhỏ số ra ngày 2.2.2007, nhân khi Tướng Ngô Quang Trưởng qua đời, chúng tôi có mô tả qua các lệnh của Tổng Thống Thiệu và cách thức hành động của Tướng Ngô Quang Trưởng. Nay với cuốn **“Can Trường Trong Chiến Bại”** độc giả sẽ biết thêm nhiều chi tiết hơn. Chúng tôi tin rằng tài

liệu này sẽ phá tan những huyền thoại đã được ghi trong cuốn “Đại thắng mùa xuân” của Tướng Văn Tiến Dũng và xác định trách nhiệm của Tổng Thống Thiệu một cách vững chắc hơn. Đây là trách nhiệm mà Tiến Sĩ Nguyễn Tiến Hưng, cố vấn kinh tế của Tướng Thiệu, thường tìm cách phủ nhận.

Mở đầu Chương 17 nói về “Số phận của miền Trung”, Tướng Thoại đã kể lại theo lời tường thuật của Tướng Ngô Quang Trưởng như sau:

“Ngày 13 tháng 3 tại dinh Độc Lập tổng thống Thiệu họp với thủ tướng Trần Thiện Khiêm, đại tướng Cao Văn Viên, trung tướng Đặng Văn Quang, trung tướng Ngô Quang Trưởng, trung tướng Nguyễn Văn Toàn. Trong buổi họp này tổng thống Thiệu cũng đã nhận định rằng không cách nào với ngân khoản viện trợ của Hoa Kỳ bị cắt giảm, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa có thể giữ được sự toàn vẹn của lãnh thổ miền Nam. Tổng Thống Thiệu lấy viết gạch một đường từ Ban Mê Thuột xuống Tuy Hòa và nói đó là ranh giới của miền Nam. Tổng Thống Thiệu còn căn dặn tướng Trưởng phải giữ kín, không tiết lộ cho các tư lệnh Sư Đoàn, các tỉnh trưởng cũng như Hải Quân và Không Quân biết việc bỏ miền Trung.”

Chúng tôi xin nói thêm: Ngày 13.3.1975 là 3 ngày sau khi Ban Mê Thuột bị mất.

Tướng Thoại kể tiếp:

*“Tiếp đó sau một buổi họp thường lệ ngày thứ hai tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I, Thiếu tướng Hoàng Văn Lạc giữ tôi lại tại phòng họp và tiết lộ cho tôi biết là **Tổng Thống dự trừ chỉ giữ lại ba đầu cầu (enclave) tại miền Trung mà thôi. Đó là Cửa Thuận An, Đà Nẵng và Chu Lai. Nếu không giữ được cả ba thì chỉ giữ Đà Nẵng...** Thiếu tướng Lạc yêu cầu tôi giữ kín tin này.”*

CHUYỆN RÚT QUÂN KHỎI HUẾ

Tướng Thoại cho biết khi trở về Căn Cứ Hải Quân Đà Nẵng, ông họp ban tham mưu cao cấp của Hải Quân để bàn kế hoạch rút quân khỏi Huế. Ban tham mưu đưa ra hai nhận định: Nhận định thứ nhất là nếu bỏ Huế thì áp lực vào Đà Nẵng sẽ rất nặng. Các đơn vị phía Nam đèo Hải Vân (ngăn giữa Thừa Thiên và Đà Nẵng) sẽ mất tinh thần và dân chúng thuộc hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên sẽ ùa vào Đà Nẵng, hỗn loạn sẽ xảy ra, không cách nào giữ Đà Nẵng được. Nhận định thứ hai là nếu phải rút khỏi Huế thì **phải rút bằng đường bộ**, vì nếu rút bằng đường thì biển Hải Quân không đủ phương tiện, nên phải rút bằng nhiều đợt, kể trước người sau, tình trạng hỗn loạn sẽ xảy ra.

Lúc đó Cộng quân đang đóng chốt ở Truồi, cắt đường quốc lộ 1 giữa Huế và Đà Nẵng, nên ban tham mưu đề nghị thực hiện một cuộc hành quân như sau: Sư Đoàn I, Lữ Đoàn 147 Thủy Quân Lục Chiến, Lữ Đoàn 1 Kỵ Binh, và hai Liên Đoàn Biệt Động Quân 14 và 15 đi theo hướng Tây, sau lưng cuộc tấn công của địch rồi xuống Đà Nẵng theo ngã Bạch Mã, Linh Chiểu và Nam Ô. Như vậy lực lượng ít hai hợt hơn.

Bàn xong kế hoạch, Tướng Thoại đến Bộ Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến ở Non Nước, trên bãi bể Mỹ Khê, để thảo luận với Thiếu tướng Bùi Thế Lân. Tướng Lân đồng ý kế hoạch rút bằng đường bộ ngay. Nhưng khi đi gặp tướng Ngô Quang Trưởng thì Tướng

Lân không chịu trình bày mà giao cho Tướng Thoại.

Tướng Thoại đến Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn khoảng 9 giờ tối. Sau khi Tướng Thoại trình bày xong, Tướng Lân nói thêm rằng ông sẵn sàng dùng Lữ Đoàn 147 Thủy Quân Lục Chiến cùng với Sư Đoàn I đánh bọc hậu, vì nếu đi đường biển sợ bị mất hết.

Nghe xong, Tướng Trưởng suy nghĩ một hồi lâu rồi nói: *“Đó cũng là một cách cần nghĩ tới, nhưng rất tiếc không thể làm được ông Thoại ạ. Nếu rút về ngã đó sẽ gặp nhiều khó khăn.”*

Tướng Trưởng không cho biết những khó khăn ông nói là những khó khăn nào, nhưng khi về đến Căn Cứ Hải Quân ở Tiên Sa, ông được biết một số đơn vị địa phương quân và bộ binh đã tan hàng và đang chạy xuống Cửa Thuận An. Theo ông, như vậy việc Tướng Lâm Quang Thi, Tư Lệnh Tiền Phương, xin rút lui khỏi Huế là đề hợp thức hòa chuyện đã xảy ra rồi.

Ngày 24 tháng 5, Tướng Thoại cho một số chiến hạm đến **Cửa Thuận An** đưa khoảng 7.000 dân và quân về Đà Nẵng, trong đó có 95% là quân và 5% là dân.

Khoảng 10 giờ 5 phút tối ngày 24.3.1975, chiến hạm HQ-543, bị mắc cạn, không rút ra khỏi Cửa Thuận An được. Thấy thế, Cộng quân liền dùng AT.3 và B.41 tấn công, nhiều binh sĩ TQLC tử trận. Một số đã bắn trả, nhưng khi đạn gần hết đã tự sát tập thể.

Tại **Cửa Tư Hiền**, nhiều binh sĩ và dân chúng đã tự động dùng ghe đi về hướng Đà Nẵng. Cũng trong ngày 26.3.1975, Hải Quân đã đưa Quân Vận tới ụ bãi ở Cửa Tư Hiền, nhưng sóng to quá không ụ được. Ba cầu nổi (pontoon) cũng được đưa tới, nhưng vì sóng lớn, nên không thể kéo tới đúng cửa mà phải thả cho trôi vào nên không nằm đúng chỗ. Vì sóng lớn, tàu không vào bờ được. Chỉ có Duyên Đoàn 13 vớt được khoảng 500 người, đa số là binh sĩ Sư Đoàn I.

Trên đường đi ra Cửa Thuận An cũng như Cửa Tư Hiền, dân chúng nằm chết la liệt vì đạn pháo kích của Cộng quân.

CHUYỆN MẮT ĐÀ NẴNG

Sáng ngày 28.3.1975, Trung Tướng Lê Nguyên Khang, phụ tá của Đại Tướng Cao Văn Viên, ra họp ở Đà Nẵng, duyệt lại tình hình tại Quảng Nam, Đà Nẵng và phía Hải Quân. Tướng Bùi Thế Lân được chỉ định làm Tổng Trấn Đà Nẵng để văn hồi trận tự, nhưng Tướng Lân từ chối. Tướng Nguyễn Văn Điem, Tư Lệnh Sư Đoàn I liền được chỉ định, nhưng trong tay ông không còn quân nào. Mặc dầu có nhiều cố gắng, sự rối loạn của Đà Nẵng không ngăn chặn được. Quân đội và dân chúng đổ dồn xuống bãi biển Tiên Sa, nơi có căn cứ Hải Quân.

Chiều 28.9.1975, ông Al. Francis, Lãnh Sự Hoa Kỳ tại Đà Nẵng, đến báo tin cho biết theo tin tình báo, Cộng quân đang tập trung ở Nam Ô và sẽ mở cuộc pháo kích vào thành phố và căn cứ Hải Quân vào khoảng 4 giờ sáng.

Hải Quân được lệnh bốc ưu tiên Thủy Quân Lục Chiến. Các chiến hạm của Chiến Đoàn Đặc Nhiệm 11.0.1 bốc Lữ Đoàn 468 trên đèo Hải Vân, còn Chiến Đoàn Đặc Nhiệm

11.0.2 bốc hai Lữ Đoàn 258 và 369 tại bãi biển Non Nước. Lữ Đoàn 147 đã bị tan rã ở Thừa Thiên.

Khoảng 8 giờ 30 tối 28.3.1975, Tổng Thống Thiệu gọi cho Tướng Trưởng. Tướng Trưởng báo cáo về tình hình rối loạn đang xảy ra tại Đà Nẵng và xin cho ông được toàn quyền quyết định, “tùy nghi” và “mềm dẻo”. Hình như ông Thiệu muốn giữ Đà Nẵng. Tướng Trưởng trình bày về sự phối trí lực lượng ở Đà Nẵng và sự hỗn loạn của đồng bào. Điện thoại xong, Tướng Trưởng tỏ vẻ hết sức lo âu.

Tuy Tổng Lãnh Sự Al. Francis cho biết đến 4 giờ sáng 29.3.1975 Cộng quân mới có thể pháo kích, nhưng 9 giờ tối 28.3.1975, Cộng quân đã pháo kích vào thành phố và hải cảng Tiên Sa rồi.

Đúng 6 giờ sáng ngày 29.3.1975, Tướng Lân cho Lữ Đoàn 468 ở đèo Hải Vân xuống tàu (ghi chú: một trung đội được bỏ lại trên đèo để chặn địch). Lữ Đoàn 369 được rút từ Đại Lộ xuống biển Non Nước hợp với Lữ Đoàn 258 để chuẩn bị lên tàu. Sư Đoàn 3 được đưa về bố trí ở vùng Horseshoe gần sông Thu Bồn...

CUỘC TỰ THOÁT CỦA TƯỚNG TRƯỞNG

Sau đây là một số chuyện đã xảy ra tại Đà Nẵng trong đêm 28 và sáng 29.3.1975 được kể lại ở các trang 254, 255 và 257 của cuốn hồi ký:

“Đến Non Nước, sau khi rời trực thăng, Tướng Trưởng và Tướng Khánh vào trong văn phòng khoảng 1 tiếng đồng hồ, rồi Tướng Khánh trở ra sân trực thăng nói lại với các vị đại tá là Tướng Trưởng nói: Các anh không còn nhiệm vụ gì nữa, các anh tùy nghi tìm phương tiện ra tàu”. Tướng Khánh và các vị này sử dụng chiếc trực thăng duy nhất còn lại. Tướng Trưởng quyết định ở lại một mình trong trại TQLC ở Non Nước. Ông đưa phương tiện di chuyển duy nhất còn lại của ông cho Tướng Khánh. Sau đó Tướng Trưởng lấy xe jeep có tài xế và quân cảnh hộ tống đi ra khỏi doanh trại đến Tòa Tổng Giám Mục Địa Phận Đà Nẵng để thăm Đức Cha Phạm Ngọc Chi và trở về khoảng một tiếng đồng hồ sau. Lúc đó trời đã khuya và Trung tướng Trưởng lúc bấy giờ trông rất mệt mỏi, cho nên Đại Tá Nguyễn Thành Trí, Tư Lệnh Phó Thủy Quân Lục Chiến, mời Trung Tướng vào nghỉ trong phòng hành quân (TOC).

“Sáng lại, 3 hải vận hạm HQ 401, 402 và 404 đến bãi biển Non Nước, vì không liên lạc được bằng truyền tin nên dùng đèn ra dấu lên bờ để đón Lữ Đoàn 369 TQLC từ Đại Lộ rút về. Đại Tá Trí Tư lệnh Phó dùng 2 xe jeep và dùng đèn xe để xác định vị trí cho chiến hạm ủi vào. Sau đó, vào khoảng 10 giờ 30 sáng ngày 29-3-1975, Đại Tá Trí mời Tướng Trưởng ra bờ biển và đề nghị ông nếu quyết định đi thì nên bơi ra gấp chiến hạm ngay vì dân đã ào tới từ phía xa, sợ không còn phương tiện nào khác. Tướng Trưởng, sức khỏe lúc bấy giờ có vẻ yếu nhiều có lẽ vì bao nhiêu đêm mất ngủ, nên **Đại Tá Trí trong một áo phao vào người ông**. Tướng Trưởng thốt ra một câu, không biết ông muốn nói với ai: **“Coi đây như là một cuộc tự thoát”**. Rồi cả hai cùng bơi ra biển. Tướng Trưởng và Đại Tá Trí lên hải vận hạm HQ 401, rồi sau đó chuyển qua HQ 404...

Ngay sau đó, tại trung ương, Phủ Tổng Thống đánh ra một công điện tối mật gửi cho

Tư Lệnh Quân Đoàn I qua hệ thống truyền tin của tuần dương hạm Trần Bình Trọng...

Nội dung bản công điện từ Phủ Tổng Thống như sau: “Lệnh của tổng thống: lệnh tử thủ vẫn còn hiệu lực. Mọi sự bỏ tuyền đều qui trách cho tư lệnh và đơn vị trưởng.” Trung Tướng Trưởng vừa đọc vừa khỏ nhẹ cây viết trên bàn. Đọc xong công điện, ông bỏ vào túi áo và bảo sĩ quan trực gọi điện thoại cho ông nói chuyện với hạm trưởng. Khi bắt máy nói chuyện với hạm trưởng, ông nói: 'Hạm trưởng, cho chiến hạm khởi hành đưa tôi về Saigon ngay lập tức. Sau khi hạm trưởng báo cáo chỉ thị của Tướng Trưởng thì HQ-404 nhận được một công điện từ Bộ Tư Lệnh Hải Quân đặt HQ-404 dưới quyền điều động của Trung Tướng Ngô Quang Trưởng...' ” (tr. 257).

KHÔNG VỊ NẼ VÀ KHÔNG ÁC Ý

Trong lời giới thiệu cuốn “Can Trường Trong Chiến Bại, hành trình của một thủy thủ”, Đại Tướng Cao Văn Viên có viết:

*“Theo tôi, trong quyển sách này, **chương Tổng Thống Thiệu ra lệnh: Tái phối trí – Giữ Đà Năng!** Nhưng sự thật những gì đã xảy ra tại chiến trường là quan trọng nhất vì trong đó, đô đốc Thoại, vì là thuộc quân chủng Hải Quân, **nhận định sự việc một cách trung thực, không vị nể ai mà cũng không có ác ý với ai cả.***

*“Quyển sách này **cho độc giả biết thêm một số biến cố và chi tiết quan trọng trong chiến tranh Việt Nam** mà nhân chứng là một “lính thủy” đã phục vụ gần nửa đời binh nghiệp tại vùng địa đầu giới tuyến...”*

Chúng tôi sẽ trở lại vào dịp 30 tháng 4.

Tú Gòn